TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 102/2018/HNGĐ-ST Ngày 26-4-2018 V/v tranh chấp: “Ly hôn”	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY – TỈNH TIỀN GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Đào Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Kim Chi.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Bùi Văn Quân - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 09/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Ngọc L – sinh năm 1980;

Cư trú tại: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Công N – sinh năm 1980;

Cư trú tại: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Chị L có mặt tại phiên tòa

Anh N vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản hòa giải nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh N sống chung với nhau vào năm 2002, anh chị không có tổ chức đám cưới nhưng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G vào năm 2004. Quá trình chung sống với nhau đến năm 2017 thì chị phát hiện anh N có quan hệ với người phụ nữ khác, sau đó chị đã tha thứ và anh N quay về tiếp tục chung sống nhưng anh N vẫn không sửa chữa. Ngoài ra anh N còn chơi cờ bạc không lo cho gia đình, có lần cải nhau anh N đã dùng hộp sữa bột ném vào đầu chị gây thương tích. Quá trình chung sống, chị và anh N đã nhiều lần ly thân và anh N đã nhiều lần đến nhà cha mẹ ruột của chị để năn nỉ chị quay về, anh N cũng nhiều lần hứa sẽ sửa đổi nhưng anh N vẫn không thay đổi. Chị và anh N tiếp tục ly thân cách đây 03 tháng. Nay chị đã không còn tình cảm với anh N nên chị yêu cầu được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Công T – sinh ngày 17/02/2002 và Nguyễn Thị Bảo N – sinh ngày 02/3/2011. Hiện nay cả 02 con chung đều đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi cả 02 con và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

* Bị đơn anh Nguyễn Công N vắng mặt không tham gia phiên tòa.

* Tại phiên tòa, nguyên đơn chị L vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với anh N. Về con chung, chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cả 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Chị L trình bày chị và anh N không có tài sản chung và nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát phân tích mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã trầm trọng, đời sống chung không thể tiếp tục kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh N. Về yêu cầu xin được nuôi dưỡng 02 con chung của chị L, đại diện Viện kiểm sát phân tích hiện nay cả 02 con chung của chị L và anh N đang do chị L nuôi dưỡng do đó để tránh thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển của các cháu nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con của chị L. Về tài sản chung và nợ chung, chị L trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định các vấn đề sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Chị Nguyễn Thị Ngọc L yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Công N. Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là ly hôn theo quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Đối với anh Nguyễn Công N đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh N vẫn không đến tham dự phiên tòa và không gửi văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt anh Nguyễn Công N.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh N, Hội đồng xét xử xét thấy chị L và anh N tự nguyện sống chung với nhau từ năm 2002 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống giữa chị L và anh N phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh N thay đổi tình cảm có quan hệ với người phụ nữ khác, đồng thời anh N không chăm lo cho gia đình, chị L và anh N đã nhiều lần ly thân và tự hàn gắn tình cảm nhưng anh chị vẫn không giải quyết được mâu thuẫn dẫn đến anh chị lại tiếp tục ly thân cách đây 03 tháng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N nhưng anh N không đến tham dự phiên tòa và không có ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị L chứng tỏ anh N không có ý muốn hàn gắn tình cảm với chị L. Hội đồng xét xử xác định mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L đối với anh N.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống chị L và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Công T – sinh ngày 17/02/2002 và Nguyễn Thị Bảo N – sinh ngày 02/3/2011. Khi ly hôn, chị L yêu cầu được nuôi cả 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay cả 02 con chung đang do chị L nuôi dưỡng, đồng thời cả 02 con chung đều có nguyện vọng được sống với chị L khi chị L và anh N ly hôn. Để tránh thay đổi hoàn cảnh sống ảnh hưởng đến sự phát triển về thể chất và tâm lý của các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con của chị L.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị L trình bày quá trình chung sống chị và anh N không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Về nội dung giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con của chị L đối với anh N.

Về tài sản chung và nợ chung đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Xét những phân tích của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[8] Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc L đối với anh Nguyễn Công N.

Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Công N.

2/ Về con chung: Chấp nhận yêu cầu xin được nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Công T – sinh ngày 17/02/2002 và Nguyễn Thị Bảo N – sinh ngày 02/3/2011 của Chị L. Giao cháu Công T và cháu Bảo N cho chị L nuôi dưỡng. Anh N không phải cấp dưỡng nuôi con chung và anh N được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung sau khi ly hôn.

3/ Án phí: Chị Nguyễn Thị Ngọc L phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 39159 ngày 08/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang nên chị L đã thi hành xong.

4/ Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh N được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án vắng mặt.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi

hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện GCT;
- Chi cục THADS huyện GCT;
- UBND xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu HS, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Thị Đào Oanh